

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Ngọc Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Anh Mã SV: 1112401053
Lớp: QT1506K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần
Đại Lợi

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
 - Mô tả về phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Đại Lợi.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty Cổ phần Đại Lợi trong 3 năm gần đây
 - Số liệu về thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp :
Công ty Cổ phần Đại Lợi

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Đức Kiên

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
- Định hướng mô tả và phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Ngọc Anh

ThS. Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là tài sản lưu động của doanh nghiệp để thực hiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vốn bằng tiền là điều kiện cần để doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. Quy mô của vốn bằng tiền phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như quy mô và cách thức quản lý của doanh nghiệp. Quản lý tốt vốn bằng tiền sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy thực hiện tốt công tác kế toán vốn bằng tiền luôn là vấn đề trọng tâm đặt ra cho các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị, với kiến thức đã học trong nhà trường và thực tế tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi”*** nhằm củng cố, nâng cao kiến thức và hy vọng góp một phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận được bố cục thành ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp-

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã được sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo ***Th.s Nguyễn Đức Kiên*** và các cô, chú trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Đại Lợi. Do trình độ và thời gian có hạn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh, các doanh nghiệp đều cần có một lượng vốn nhất định để mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Việc quản lý và sử dụng vốn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro cao hơn các loại tài sản khác vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép phản ánh, tính toán giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt.

Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền.

- Kiểm tra thường xuyên tình hình thực hiện chế độ sử dụng và quản lý vốn bằng tiền, kỉ luật thanh toán, kỉ luật tín dụng. Phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, kiểm tra thường xuyên đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời. Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng tiền đang chuyển kịp thời.

- Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám đốc việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

1.2. Nội dung công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.2.1. Quy định hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1. Kế toán phải mở sổ kế toán ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập tiền, ngoại tệ và tính ra số tồn tại quỹ và từng tài khoản ở Ngân hàng tại mọi thời điểm để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như tiền của doanh nghiệp.

3. Khi thu, chi phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

4. Kế toán phải theo dõi chi tiết tiền theo nguyên tệ. Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế;
- Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

5. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế.

(Điều 11_ thông tư 200 200/2014/TT-BTC).

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp (TK 111).

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

a) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ. Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

b) Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

c) Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

d) Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

đ) Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

e) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 1112;

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá bình quân gia quyền di động hoặc tỷ giá giao dịch thực tế.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

g) Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp

thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm: Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, biên lai thu tiền, biên lai thu tiền...

- Phiếu thu (Mẫu số 01): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.

- Phiếu chi (Mẫu số 02): Được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: 05 - TT): Dùng trong các trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận thanh toán tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) làm thủ tục thanh toán.

- Biên lai thu tiền (Mẫu số: 06 - TT): Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 111 - Tiền mặt

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);

- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ;

- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);

- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

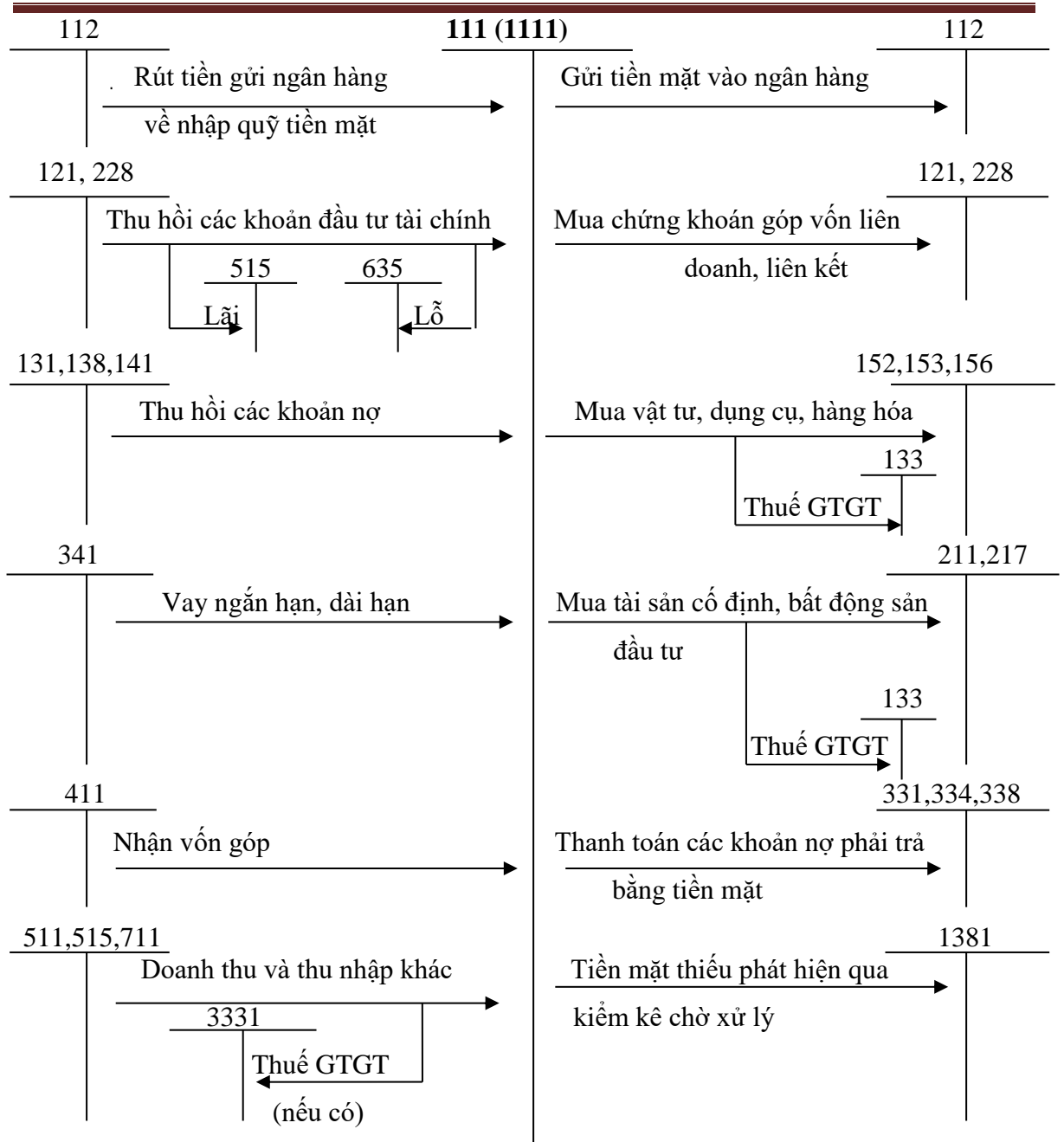
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

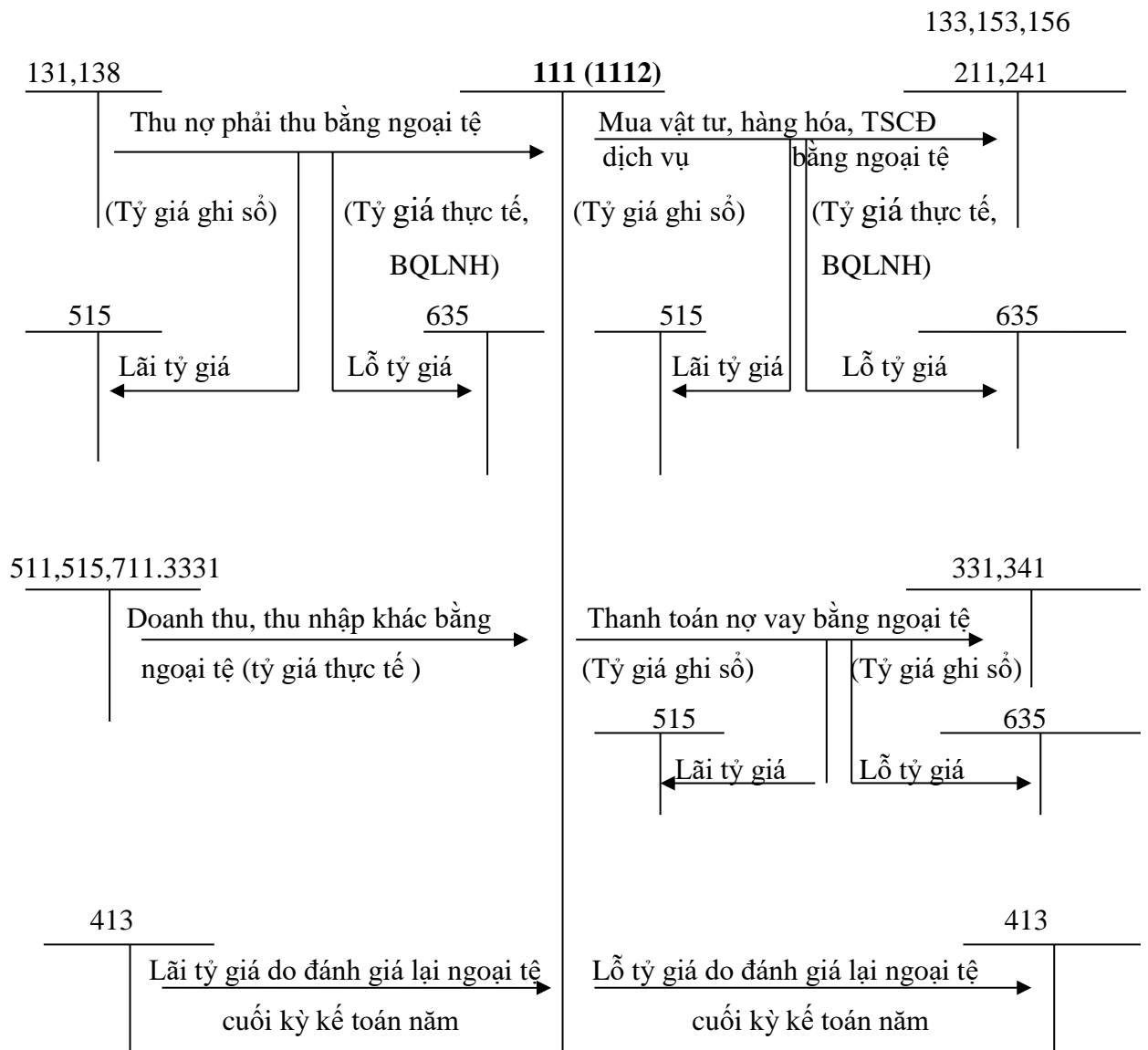
❖ **Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam.**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt (Tiền Việt Nam).

❖ Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng ngoại tệ.



Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt (Ngoại tệ).

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp (TK112).

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng.

+ Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng của doanh nghiệp. Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi,...).

+ Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1381) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3381) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

+ Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

+ Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1122 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

- Bên Có TK 1122 áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

1.2.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.

- Giấy báo Nợ: Là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.

- Giấy báo Có: Là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.

- Bảng sao kê của ngân hàng: Là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp.

- Ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

- Ủy nhiệm thu: Là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng phát hành gửi vào ngân hàng nhờ thu hộ tiền từ người mua hàng hóa dịch vụ.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

+ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

+ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng”:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ gửi vào ngân hàng;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ rút ra từ ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

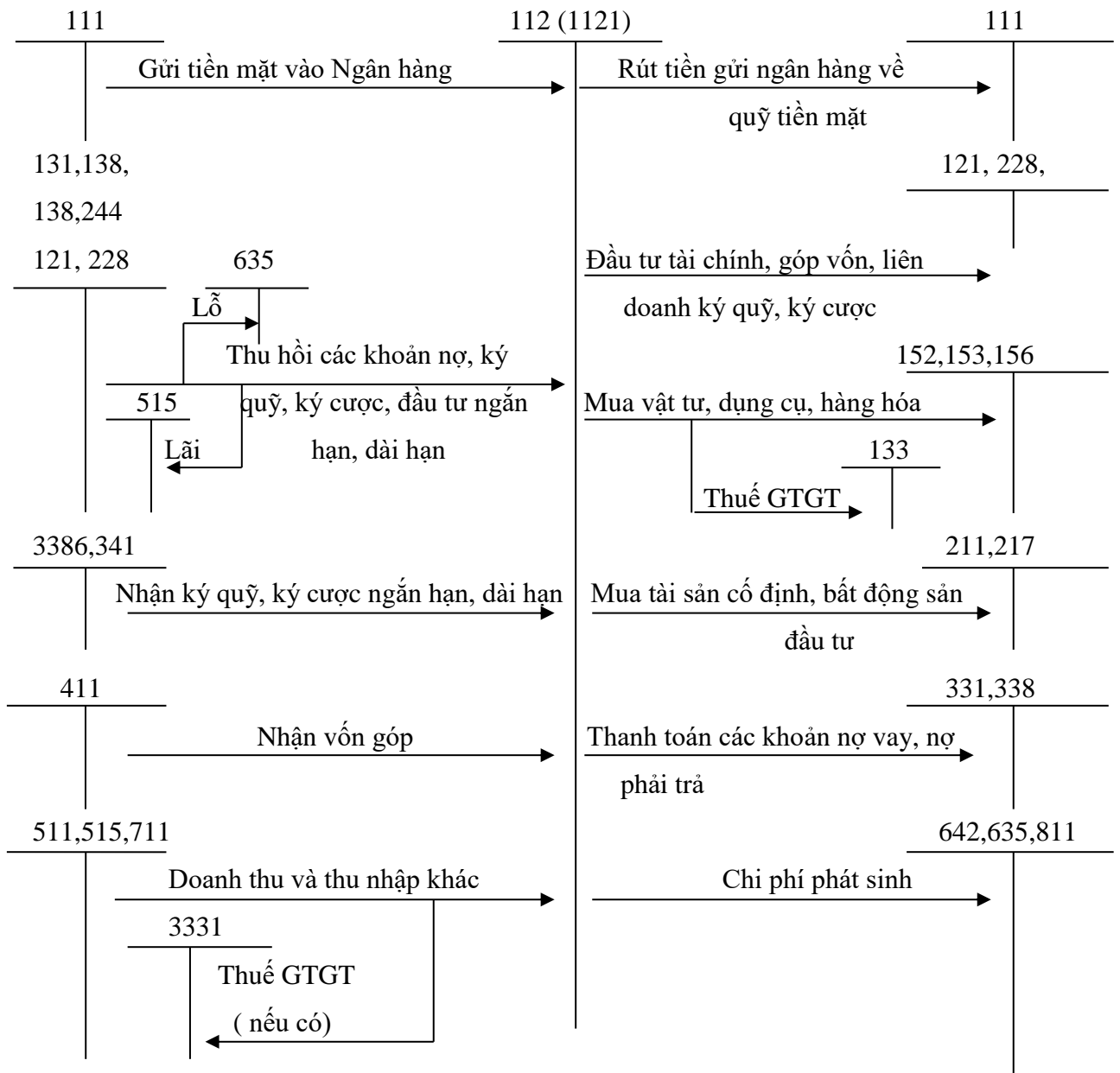
TK 112 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

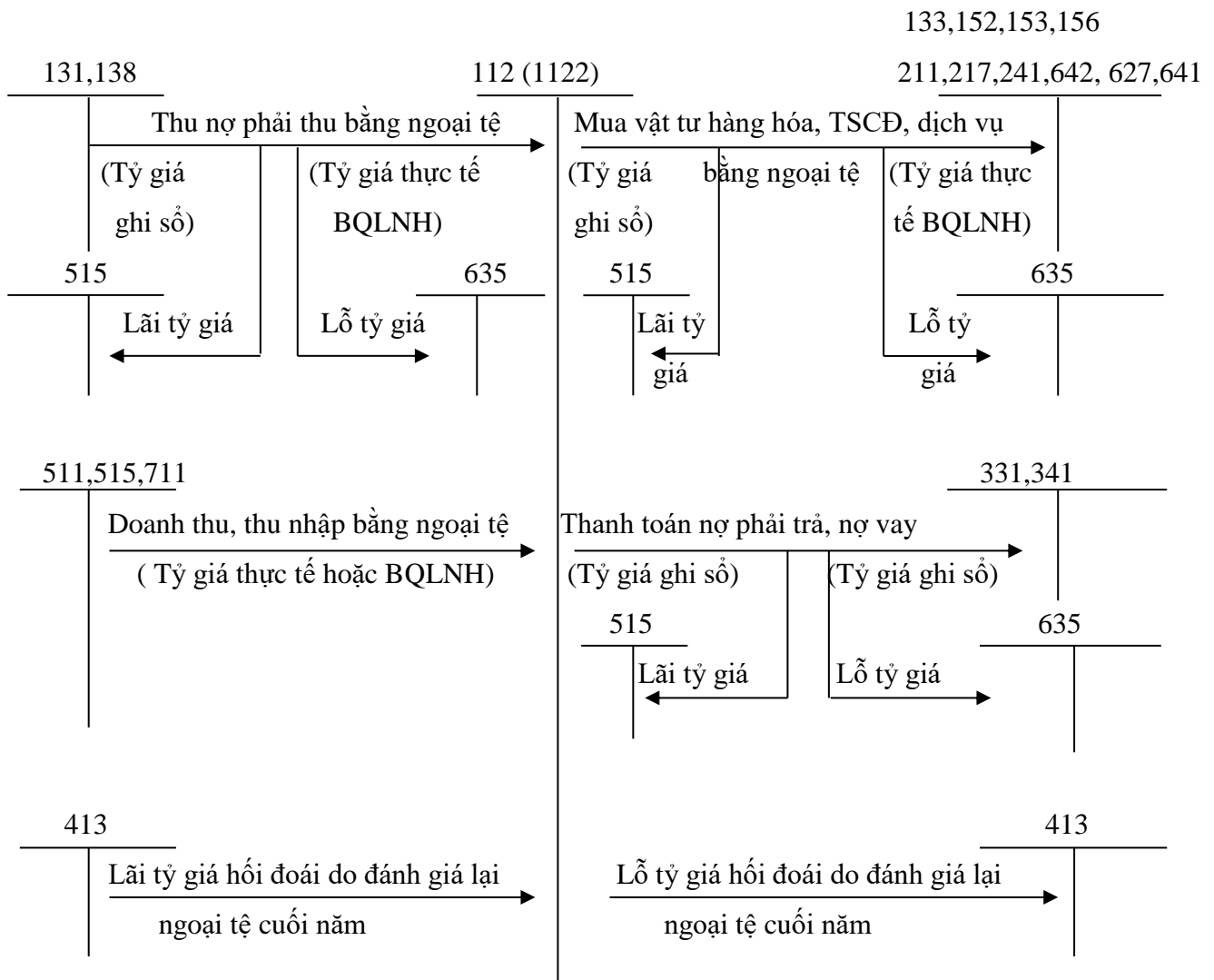
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.

❖ Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.



Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam).

❖ Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.



Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp thu – chi tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ).

1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

Các loại chứng từ kế toán tại phụ lục 3 Thông tư 200/2014/TT-BTC đều thuộc loại hướng dẫn. Doanh nghiệp được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của mình nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu của Luật kế toán và đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, minh bạch, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

2. Trường hợp không tự xây dựng và thiết kế biểu mẫu chứng từ cho riêng mình, doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống biểu mẫu và hướng dẫn nội dung ghi chép chứng từ kế toán theo hướng dẫn Phụ lục 3 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3. Các doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đặc thù thuộc đối tượng điều chỉnh của các văn bản pháp luật khác thì áp dụng theo quy định về chứng từ tại các văn bản đó.

Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

Hình thức kế toán Nhật ký chung;

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;

-Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;

-Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ, loại hình hoạt động đơn giản, trình độ cán bộ kế toán và cán bộ quản lý ở mức độ khá. Dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

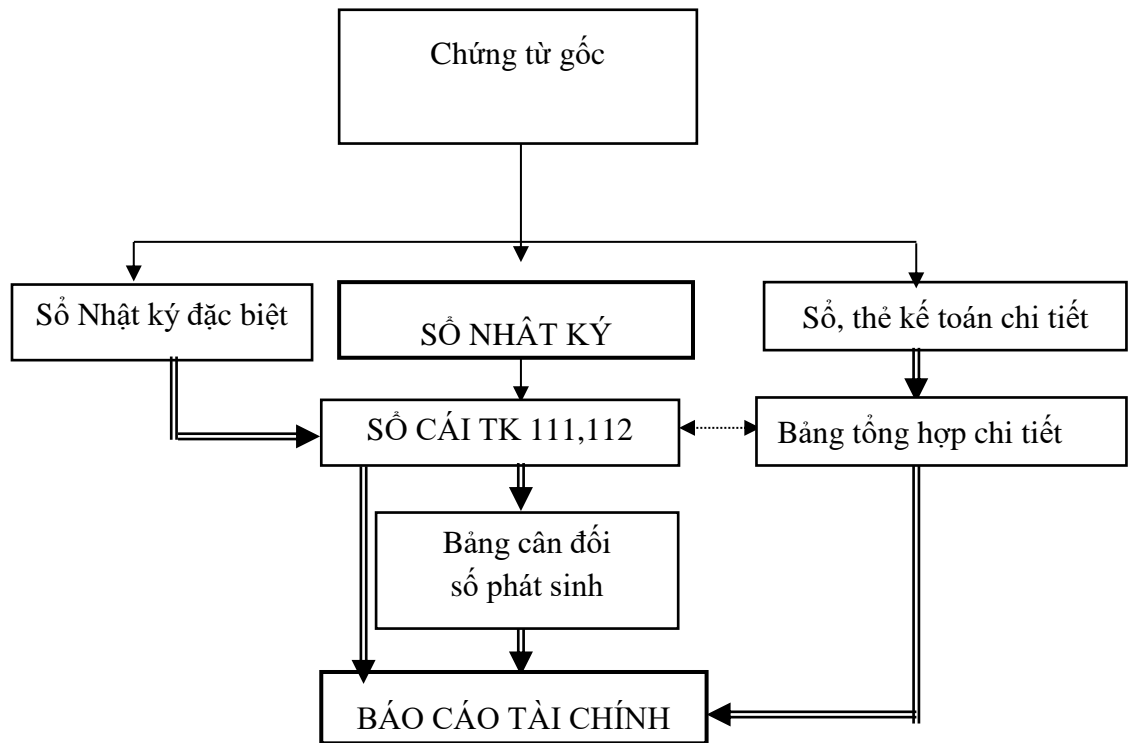
Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối

tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

1.3.2. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

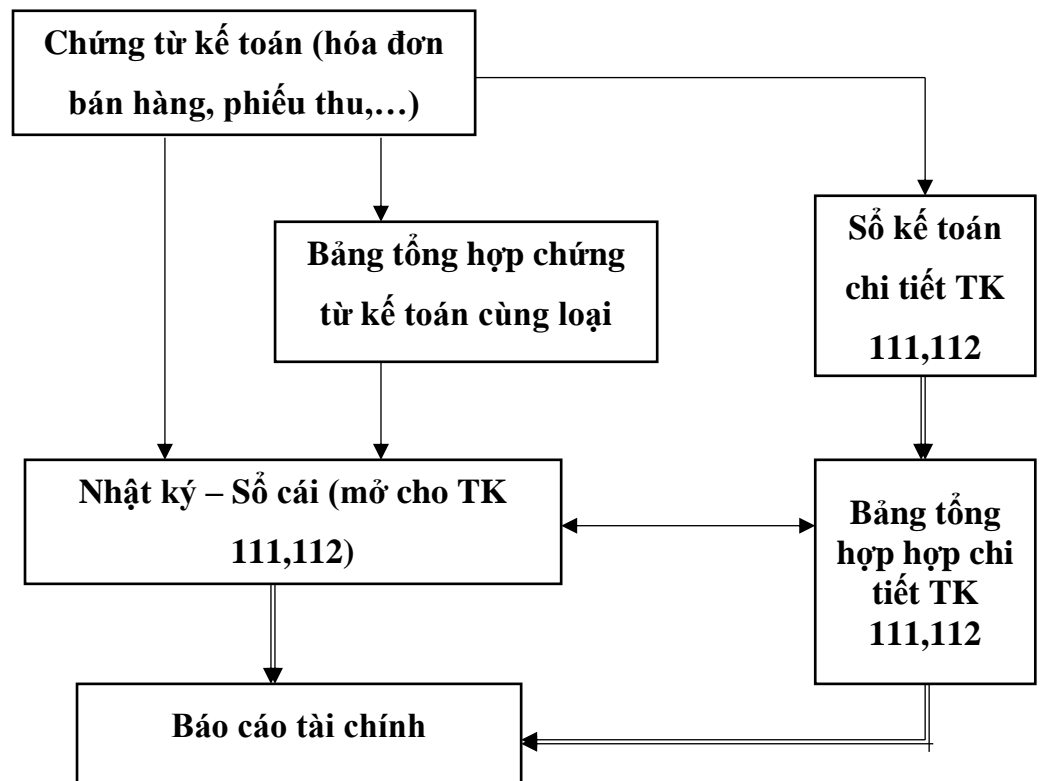
Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ cán bộ quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh

một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- ←====> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

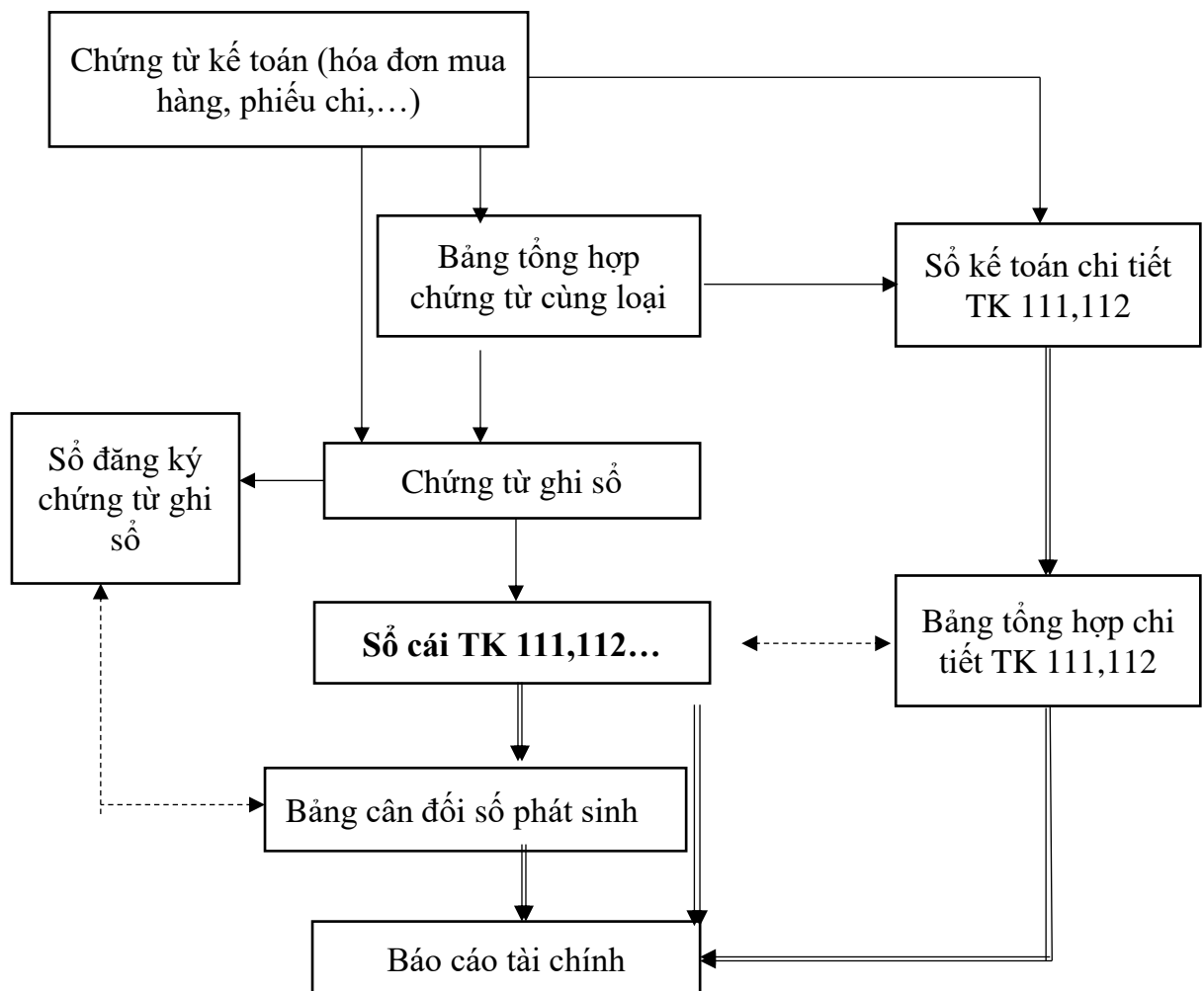
Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====▶ Ghi định kỳ
- ←-----▶ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

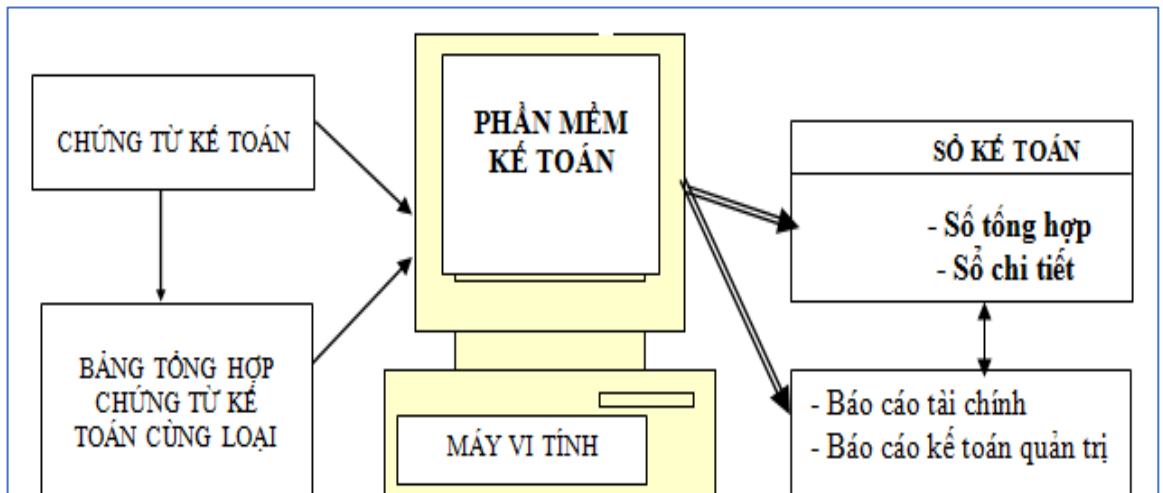
1.3.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

-Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

-Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

2.1 Khái quát về Công ty Cổ phần Đại Lợi

2.1.1 Khái quát về Công ty Cổ phần Đại Lợi

Tên đơn vị : Công ty cổ phần Đại Lợi

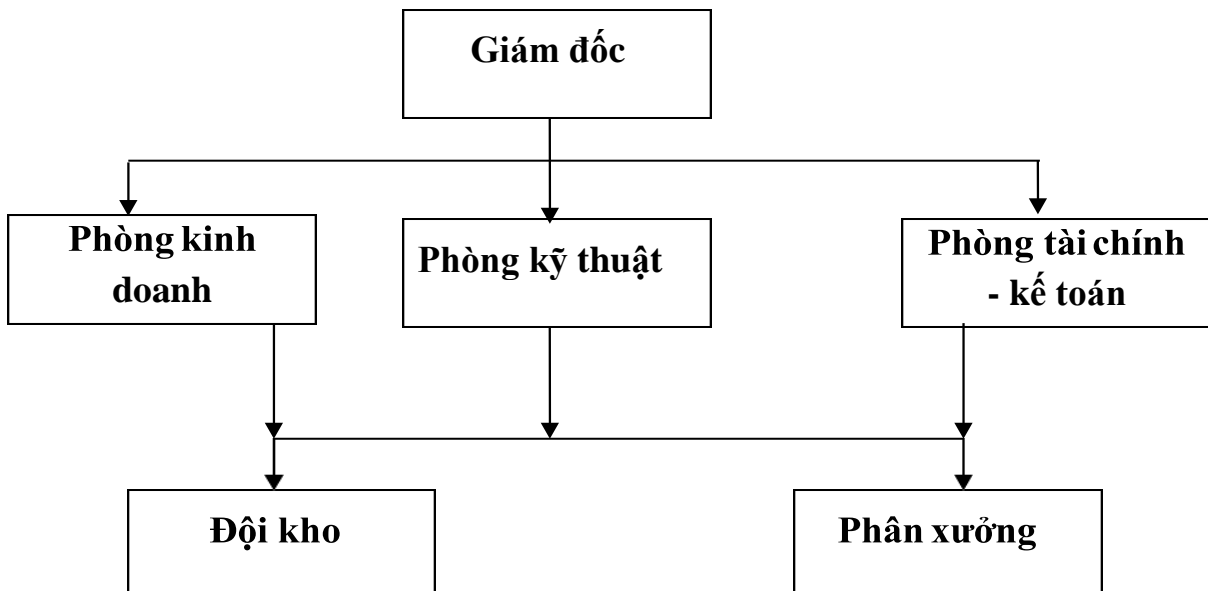
Địa chỉ : Số 203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Ngành nghề chính : Sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực làm đẹp.

Kể từ khi hoạt động cho đến nay Công ty luôn thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước, triển khai hiệu quả chiến lược, kế hoạch sản xuất của công ty đề ra và luôn đảm bảo chế độ chính sách, đãi ngộ, chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân công ty cổ phần Đại Lợi, tạo nguồn nhân lực, trí lực vững mạnh để đưa công ty ngày càng phát triển.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đại Lợi

* Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

*** Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban**

Giám đốc: Là người có quyền cao nhất điều hành mọi hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty

Phòng kinh doanh: thiết lập mục tiêu kinh doanh, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh, theo dõi và thực hiện các kế hoạch kinh doanh. Ngoài ra phòng kinh doanh còn phải nghiên cứu, xây dựng và phát triển mạng lưới kênh phân phối, chính sách phân phối, chính sách giá cả, đề xuất các biện pháp về chiến lược sản phẩm và phối hợp với phòng kế hoạch để đưa ra các số liệu dự đoán về nhu cầu thị trường.

Phòng tài chính kế toán: Quản lý, điều hành toàn bộ các hoạt động tài chính kế toán, tư vấn cho ban giám đốc về tình hình tài chính và các chiến lược về tài chính, lập báo cáo tài chính tuân theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Phòng tài chính kế toán còn phải quản lý vốn nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc đầu tư của công ty có hiệu quả.

Phòng kỹ thuật: có chức năng tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo để triển khai chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra giám sát đối với các đơn vị thành viên trong công ty về: khoa học công nghệ, kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm, sáng kiến cải tiến, quy trình quy phạm kỹ thuật của ngành, của nhà nước có liên quan đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty. Lập và xem xét các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng theo yêu cầu, tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng. Tổ chức thực hiện tham gia sản xuất hoặc thực hiện công tác giám sát trực tiếp theo quyết định của tổng giám đốc. Lập và xem xét yêu cầu kỹ thuật đối với việc mua sắm vật tư, thiết bị theo yêu cầu, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Cập nhật, đánh giá và cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng, kế hoạch theo thực tế sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của sản phẩm, đề xuất và làm thủ tục điều phối thiết bị sản xuất trong nội bộ công ty.

- **Đội kho:** Quản lý các kho vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, bao bì, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất, bán hàng. Thực hiện công tác xuất, nhập vật tư, nguyên liệu, theo dõi, đối chiếu, lập các bảng kê bán hàng, báo cáo nhập xuất tồn hàng ngày, tuần, tháng gửi các phòng nghiệp vụ của công ty theo quy định.

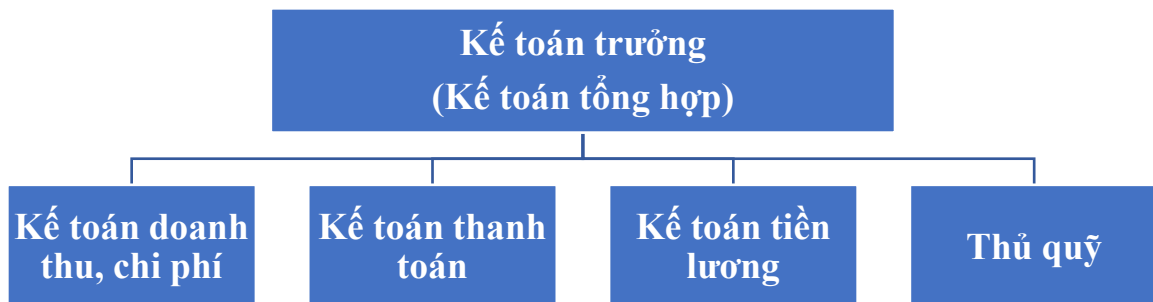
Phân xưởng: có nhiệm vụ sản xuất sản phẩm sơn, phấn trang điểm, nước hoa các loại,... Thực hiện các công đoạn sản xuất theo đúng quy trình công nghệ từ khâu nghiền nguyên liệu đến chế tạo sản phẩm. Thực hiện việc ghi chép, lưu trữ và báo cáo số liệu sản xuất hàng ngày, tuần, tháng cho các bộ phận quản lý của công ty theo quy định.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức và bộ máy kế toán của Công ty:

Công tác kế toán của công ty được vận dụng theo chế độ tài chính kế toán Nhà nước quy định. Phòng kế toán trực tiếp thu thập, xử lý các thông tin tài chính của công ty sau đó đưa lên cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc lấy các thông tin đó làm căn cứ tin cậy để đưa ra những quyết định quản lý.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, yêu cầu và trình độ quản lý, công ty áp dụng việc tổ chức kế toán theo kiểu tập trung với cơ cấu sau đây

* **Sơ đồ bộ máy kế toán:**



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

* **Chức năng nhiệm vụ của các vị trí trong bộ máy kế toán**

Kế toán trưởng: là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.

- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán,

thống kê thông tin và hạch toán kế toán, tài chính của công ty.

- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.

- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên.

- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.

- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán trong công ty Cổ phần Đại Lợi, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kiểm tra lại hạch toán của kế toán doanh thu – chi phí

- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

- Nộp tiền thuế Môn bài, tờ khai thuế môn bài và tiền thuế môn bài,..

- Tổng hợp toàn bộ kết quả kinh doanh, lập thống kê kết quả kinh doanh vào tháng, quý, năm và theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ theo tháng, quý, năm.

Kế toán tiền lương:

+ Thanh toán tiền lương, thưởng phụ cấp cho đơn vị theo lệnh của giám đốc

- + Thanh toán BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định
- + Theo dõi việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương của công ty
- + Theo dõi các khoản thu chi của công đoàn.

Kế toán thanh toán

+ Theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (TK 111), và tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với sổ của thủ quỹ và sổ phụ ngân hàng, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời. Căn cứ vào chứng từ như hóa đơn của bên bán, phiếu tạm ứng để lập thành lệnh thu và chi thanh toán các khoản nợ với khách hàng bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng.

+ Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp lệ, hợp pháp, hợp lý), để được tính chi phí hợp lý.

+ Liên hệ với ngân hàng để làm việc (về rút tiền, trả tiền, lấy sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan đến ngân hàng).

+ Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hàng ngày để gửi theo yêu cầu của Ban Giám Đốc.

+ Thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán với khách hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.

Kế toán doanh thu, chi phí

+ Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thu thực hiện trong kỳ.

+ Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi

+ Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.

+ Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty

Thủ quỹ

Thủ quỹ là người trợ giúp Kế toán trưởng trong việc kiểm soát và định hướng các vấn đề liên quan đến thu và chi tiền mặt.

Kiểm tra các phiếu, vé, hóa đơn, chứng từ thanh toán của cá nhân cán bộ công nhân hoặc tập thể, thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chế độ, chính sách quy chế của công ty.

Mở sổ cập nhập đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, thực hiện kiểm quỹ cuối ngày, làm báo cáo thu, chi, tồn quỹ đúng nghiệp vụ quy định.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý kho văn phòng phẩm của công ty.

2.1.4 Những thuận lợi của Công ty cổ phần Đại Lợi

Thuận lợi

Công ty cổ phần Đại Lợi hoạt động với tiêu chí đưa chất lượng lên hàng đầu. Công ty đã tạo được uy tín với khách hàng từ khi thành lập cho tới nay.

Không những thế, đội ngũ cán bộ, công nhân có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc cũng như có kinh nghiệm trong nghề đã tạo được uy tín cũng như sự tin cậy với khách hàng.

Khó khăn

Trong xu thế hội nhập, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng cao.

Sản xuất sản phẩm làm đẹp là một ngành rất đặc biệt với quy trình sản xuất rất phức tạp, cần tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về mặt kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất cho sản phẩm.

Về tài chính: vấn đề tài chính luôn là khó khăn chung đối với các doanh nghiệp, nhất là với doanh nghiệp sản xuất. Giá cả của một số loại nguyên vật liệu sản xuất mỹ phẩm liên tục tăng ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm.

2.1.5 Các chính sách kế toán áp dụng

*** Chính sách kế toán áp dụng**

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ áp dụng trong ghi chép: đồng Việt Nam (VNĐ)

- Chế độ kế toán áp dụng: công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

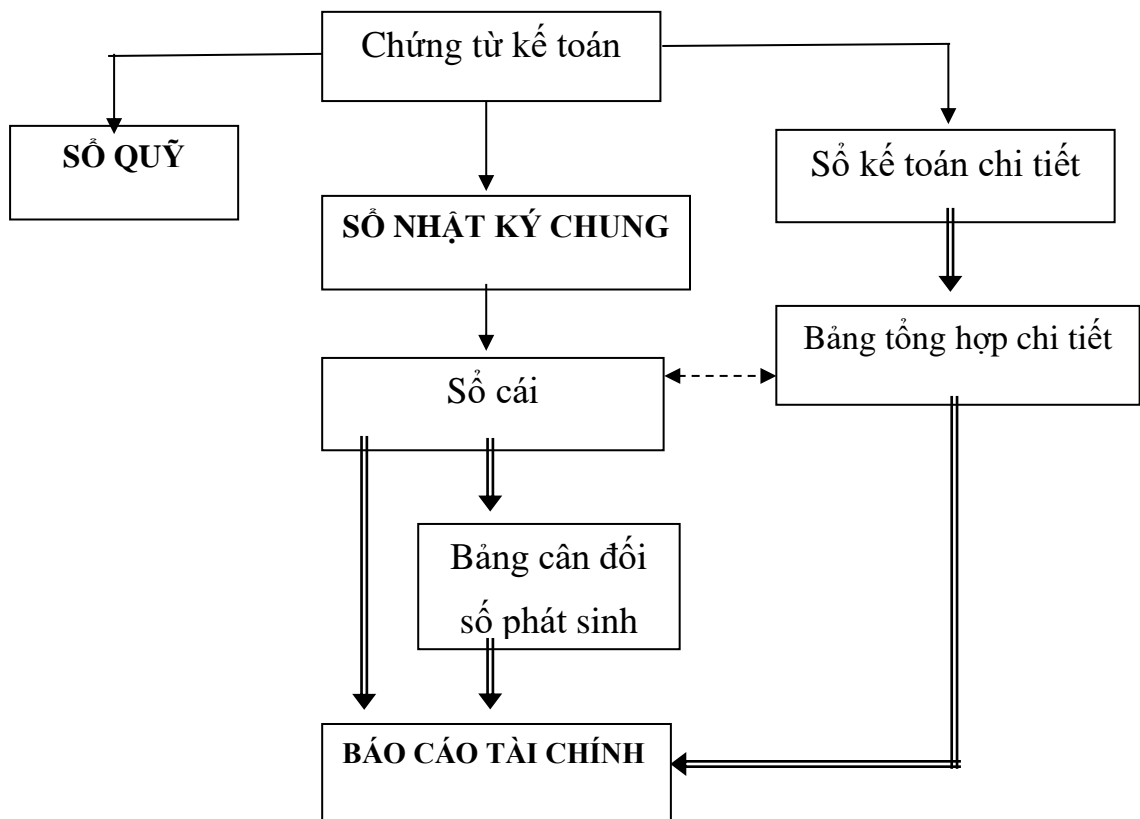
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Sổ nhật ký chung

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp bình quân liên hoàn.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.

*** Tổ chức hệ thống sổ kế toán**



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kì ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán tại của Công ty Cổ phần Đại Lợi

- Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ thẻ kế toán chi tiết theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó lập các sổ khác có liên quan. Từ sổ nhật ký chung hàng ngày các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ cái từng tài khoản.

- Cuối tháng hoặc định kì từ sổ kế toán chi tiết lập nên bảng tổng hợp chi tiết tài khoản. Căn cứ vào sổ cái, sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính vào cuối năm.

*** Tổ chức hệ thống Báo cáo kế toán**

- + Bảng cân đối kế toán
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh BCTC

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

Tại Công ty Cổ phần Đại Lợi do tính chất hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền đang chuyên không có, nên kế toán vốn bằng tiền chỉ sử dụng 2 tài khoản: TK 111 (Tiền mặt tại quỹ) và TK 112 (Tiền gửi ngân hàng).

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

*** Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty.**

- Tại Công ty Cổ phần Đại Lợi chỉ có tiền mặt là tiền Việt Nam đồng, không có tiền mặt là ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

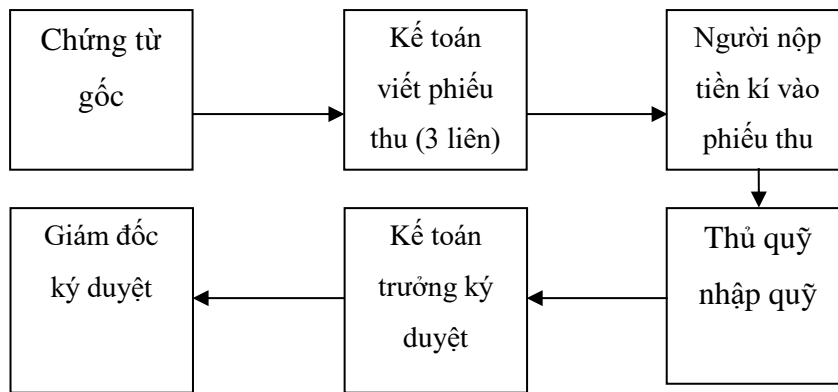
- Tiền mặt tại quỹ của công ty nhất thiết phải được bảo quản đủ điều kiện an toàn.

- Phải chấp hành đầy đủ các quy chế, chế độ quản lý lưu thông tiền tệ của Nhà nước quy định.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ các khâu thu chi tiền mặt từ giám đốc, kế toán trưởng và đặc biệt là thủ quỹ.

- Cuối ngày thủ quỹ phải chốt các số thu chi tiền mặt và số tồn quỹ.

- Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu thu:

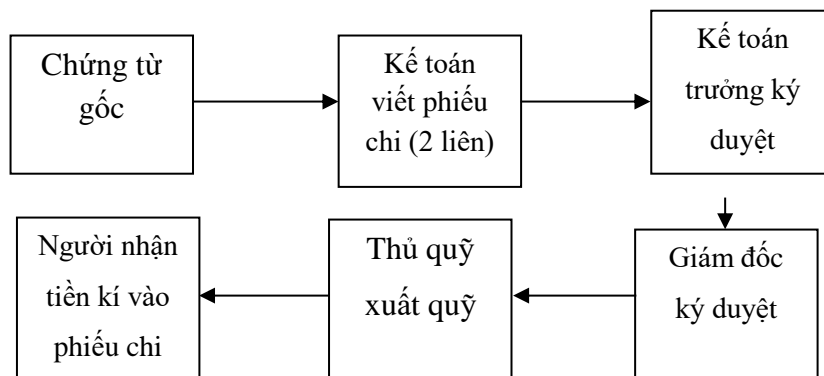


Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển phiếu thu.

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu rồi ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Cuối cùng, chuyển cho kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt và đóng dấu.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

- Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu chi:



Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển phiếu chi.

Phiếu chi do kế toán lập thành 2 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi. Chỉ sau khi đã có chữ ký theo từng liên của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 01 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

*** Chứng từ kế toán tại công ty.**

- Hóa đơn GTGT.
- Giấy đề nghị thanh toán.
- Giấy đề nghị tạm ứng.
- Phiếu thu (chi)...

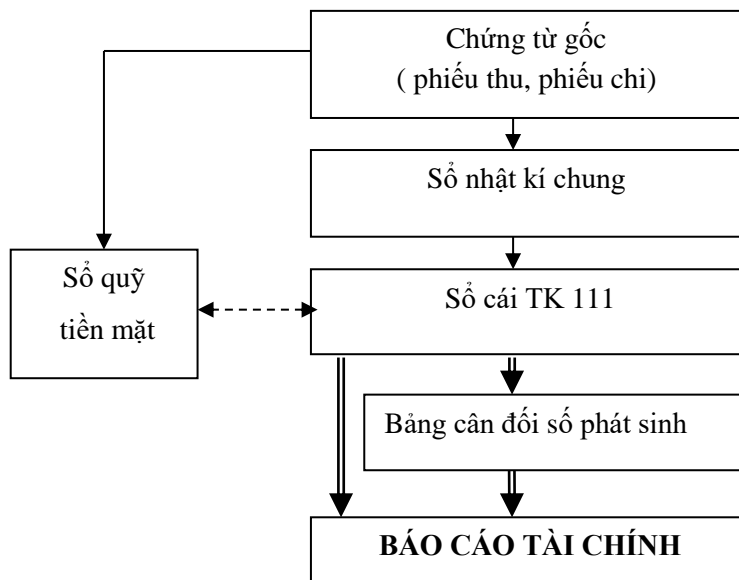
*** Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty.**

- Công ty sử dụng TK 111 phản ánh tình hình Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt.

*** Sổ sách kế toán sử dụng công ty.**

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ cái TK 111.
- Sổ quỹ tiền mặt.

*** Trình tự hạch toán tiền mặt tại công ty.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, định kỳ
- Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ quỹ tiền mặt. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 111 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và sổ quỹ tiền mặt sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh cuối năm lập nên Báo cáo tài chính.

*** Ví dụ minh họa tiền mặt tại công ty.**

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2018, chị Nguyễn Thị Bình – Phòng kế toán, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, số tiền: 250.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan (phiếu thu số 921, giấy rút tiền số 991), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 111 : 250.000.000

Có TK 112 : 250.000.000

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111 và Sổ Cái TK 112. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt, kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy rút tiền, giấy báo nợ ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đại Lợi
203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Số PT 921

| | |
|-----------|-------------|
| Nợ TK 111 | 250.000.000 |
| Có TK 112 | 250.000.000 |

Họ tên người nộp tiền : **Nguyễn Thị Bình**

Địa chỉ : Phòng kế toán - Công ty CP Đại Lợi

Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt.

Số tiền: 250.000.000 đồng. (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2018

| | | | | |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| Thủ trưởng đv (ký, họ tên) | Kế toán trưởng (ký, họ tên) | Người lập (ký, họ tên) | Người nộp tiền (ký, họ tên) | Thủ quỹ (ký, họ tên) |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------|

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....


(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.2: Giấy rút tiền

| | | |
|---|--|------------------------------|
|  | Liên 2/ Copy 2 Số/ No 991 Giao người nhận Depositors copy | |
| GIẤY RÚT TIỀN Cash Deposit Slip Ngày/Date: 10/12/2018 | | |
| Tài khoản có/ Credit A/C No: 0531 0088 2310 8 Tên tài khoản/ Account name: Công ty Cổ phần Đại Lợi Số tiền bằng chữ/ Inword: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn. | | |
| Người rút tiền/ Deposited by: Nguyễn Thị Bình Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán Tại ngân hàng/ with bank: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM. Nội dung rút/ Remarks: Rút tiền từ tài khoản. | Số tiền bằng số (Amount in figures) 250.000.000 | |
| Người rút tiền Depositors signature | Giao dịch viên Teller | Kiểm soát viên Supervisor |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.2: Giấy báo nợ

| | |
|---|--|
|  | Số: 991 Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 594256 |
| GIẤY BÁO NỢ 10/12/2018 | |
| Kính gửi: Công ty Cổ phần Đại Lợi Mã số thuế: | |
| Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: Số tài khoản ghi Nợ: 0531 0088 2310 8 Số tiền bằng số: 250.000.000 Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn./ Nội dung: ## Rút tiền từ tài khoản ## | |
| Giao dịch viên | Kiểm soát |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)



SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT
STATEMENT OF ACCOUNT

Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 31/12/2018

Số tài khoản/Account number: 0531 0088 2310 8

Loại tiền tệ/Currency: VND

Tên TK/Account name: Công ty Cổ phần Đại Lợi

Số dư đầu kỳ: 213,462,644

Số dư cuối kỳ: 203.440.321

| Ngày phát sinh | Số GD | Nội dung giao dịch | Doanh số phát sinh | |
|-----------------------|-------|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Nợ/Debit | Có/Credit |
| 03/12/2018 | 892 | CTY CPDTTM THAI AN THANH TOAN TIEN | | 60,000,000 |
| | | ... | | |
| 10/12/2018 | 991 | RUT NHAP QUY | | 250,000,000 |
| | | ... | | |
| 20/12/2018 | 997 | TRA NO CHO CONG TY VAN LONG | 141,000,000 | |
| | | ... | | |
| 26/12/2018 | 1004 | ACCRUED INTEREST | | 25,347 |
| | | ... | | |
| 27/12/2018 | 1007 | NOP TIEN VAO TAI KHOAN | 330,000,000 | |
| | | ... | | |
| CỘNG PHÁT SINH | | | 2,460,083,307 | 2,450,060,984 |

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

* **Ví dụ 2:** Ngày 11/12/2018 Công ty chi tạm ứng cho Ông Lê Nguyên Lâm đi công tác.

Anh Lê Nguyên Lâm viết giấy xin tạm ứng tiền đi công tác sau đó gửi giấy đề nghị tạm ứng đã được giám đốc phê duyệt lên phòng Tài chính-kế toán với số tiền là 15.000.000 đồng.

Kế toán xem xét các giấy tờ liên, sau đó kế toán lập Phiếu chi số 937. Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền tạm ứng cho anh Lê Nguyên Lâm, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển liên đó cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 141 :15.000.000

Có TK 111 :15.000.000

Kế toán căn cứ vào chứng từ phát sinh ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111, TK141.

Từ Phiếu chi 937, thủ quỹ tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán vào Bảng cân đối phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Giấy đề nghị tạm ứng.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI
203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 03 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Lợi

Tôi tên là: Lê Nguyên Lâm

Địa chỉ : Phòng Kỹ thuật

Đề nghị cho tạm ứng Số tiền: 15.000.000 đồng (*Viết bằng chữ*) Mười lăm triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: Tạm ứng đi công tác

Thời hạn thanh toán: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | | | |
|------------------------|----------------|-------------------|------------------|
| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Phụ trách bộ phận | Người ĐN tạm ứng |
| (Ký, họ tên, đóng dấu) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.5: Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI
203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2018

Số PC 937

Họ tên người nhận tiền: Lê Nguyên Lâm

Nợ TK 141 15.000.000

Địa chỉ: Phòng kỹ thuật

Có TK 111 15.000.000

Lý do chi: Chi tạm ứng đi công tác

Số tiền: 15.000.000 (*Viết bằng chữ*) Mười lăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

| | | | | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thủ trưởng đơn vị | Kế toán trưởng | Người lập | Người nhận | Thủ quỹ |
| (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười lăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Ví dụ 3: Ngày 25/12/2018, Thanh toán chi phí tiếp khách cho anh Nguyễn Tùng Anh - Phòng kỹ thuật, số tiền gồm cả 10% thuế VAT là 5.995.000 đồng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT anh Nguyễn Tùng Anh - nhân viên Phòng kỹ thuật gửi đề nghị thanh toán đã được giám đốc phê duyệt lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết Phiếu chi 959. Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 642 : 5.450.000

Nợ TK 133 : 545.000

Có TK 111 : 5.995.000

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ Nhật kí chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111 và Sổ Cái TK 133, 642. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : AA/17P

Liên 2: Giao khách hàng

Số 00001409

Ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đơn vị : Công ty Thương Tín

Địa chỉ: Số 7 lô 22 Đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 4 | 0 | 1 | 3 | 6 | 5 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tùng Anh

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Đại Lợi

Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 3 | 8 | 9 | 5 | 8 | 4 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|----------------------|----------------|-----------------|---------|------------|
| 1 | Tiếp khách ăn uống | | | | 5.450.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 5.450.000 |
| Thuế suất thuế GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 545.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 5.995.000 |
| Số tiền bằng chữ: Năm triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn | | | | | |

Người mua hàng vị

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng

dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.7: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đại Lợi
203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải
Phòng

Mẫu số: 05 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Lợi

Tôi tên là: Nguyễn Tùng Anh

Bộ phận: Phòng Kỹ thuật

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi tiếp khách.

Số tiền: 5.995.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Năm triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo01.....chứng từ gốc) Hóa đơn GTGT 1409

Người duyệt
toán

Kế toán trưởng

Người đề nghị thanh

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.8: Phiếu chi

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đại Lợi
203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Số PC 959

Nợ TK 642 5.450.000

Nợ TK133 545.000

Có TK 111 5.995.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tùng Anh

Địa chỉ : Phòng kỹ thuật

Lý do chi : Thanh toán tiền chi tiếp khách..

Số tiền: 5.995.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Năm triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 02 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán, HĐ số 00001409

Ngày 25 tháng 12 năm 2018

| | | | | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thủ trưởng đv | Kế toán trưởng | Người lập | Người nhận | Thủ quỹ |
| (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) | (<i>ký, họ tên</i>) |

+ *Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Năm triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn*

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Sổ Nhật kí chung.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK | Số phát sinh | |
|----------|-----------------------|-------|--|----------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | ... | | | |
| 06/12 | PC 913 | 06/12 | Chi tiền tiếp khách ăn uống theo HĐ 0001008 | 642 | 6.200.000 | |
| | | | | 133 | 620.000 | |
| | | | | 111 | | 6.820.000 |
| 08/12 | PT 918 | 08/12 | Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Trang Nhung | 111 | 16.731.000 | |
| | | | | 511 | | 15.210.000 |
| | | | | 333 | | 1.521.000 |
| | | | ... | | | |
| 10/12 | PT921 BN991/ VC | 10/12 | Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ | 111 | 250.000.000 | |
| | | | | 112 | | 250.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 11/12 | PC937 | 11/12 | Tạm ứng đi công tác | 141 | 15.000.000 | |
| | | | | 111 | | 15.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 20/12 | BN997/ VC | 20/12 | Trả nợ cho người bán | 331 | 141.000.000 | |
| | | | | 112 | | 141.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 25/12 | PC 959 | 25/12 | Thanh toán chi phí tiếp khách | 642 | 5.450.000 | |
| | | | | 133 | 545.000 | |
| | | | | 111 | | 5.995.000 |
| | | | ... | | | |
| 27/12 | BC1007 /VC | 27/12 | Thu tiền hàng | 112 | 330.000.000 | |
| | | | | 131 | | 330.000.000 |
| | | | ... | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 883.260.114.327 | 883.260.114.327 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Sổ cái TK 111.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

((Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền | |
|----------|-----------------------|-------|--|----------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu năm | | 832.341.287 | |
| | | | Số phát sinh | | | |
| | | | ... | | | |
| 06/12 | PC 913 | 06/12 | Chi tiền tiếp khách | 642 | | 6.200.000 |
| | | | | 133 | | 620.000 |
| | | | ... | | | |
| 08/12 | PT 918 | 08/12 | Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Vân Trang | 511 | 15.210.000 | |
| | | | | 333 | 1.521.000 | |
| | | | ... | | | |
| 10/12 | PT921 BN991/ VC | 10/12 | Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ | 112 | 250.000.000 | |
| | | | ... | | | |
| 11/12 | PC937 | 11/12 | Tạm ứng đi công tác | 141 | | 15.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 15/12 | PC942 | 15/12 | Chi mua văn phòng phẩm | 642 | | 3.650.000 |
| | | | | 133 | | 365.000 |
| | | | ... | | | |
| 25/12 | PC 959 | 25/12 | Thanh toán chi phí tiếp khách | 642 | | 5.450.000 |
| | | | | 133 | | 545.000 |
| | | | ... | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 21.258.364.248 | 21.452.148.674 |
| | | | Số dư cuối năm | | 638.556.861 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Biểu số 2.11: Sổ quỹ tiền mặt.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI
Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: S05 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | NT CT | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Số tiền | | |
|----------|----------|---------------------|-------|--|------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | | | Số dư đầu năm | | | <u>832.341.287</u> |
| | | | | Số phát sinh | | | |
| | | | | ... | | | |
| 10/12 | 10/12 | PT921 | | Rút tiền gửi ngân hàng | 250.000.000 | | 858.215.274 |
| | | | | ... | | | |
| 11/12 | 11/12 | | PC937 | Chi tạm ứng | | 15.000.000 | 724.256.314 |
| | | | | ... | | | |
| 25/12 | 25/12 | | PC959 | Thanh toán chi phí tiếp khách | | 5.995.000 | 563.524.251 |
| | | | | ... | | | |
| 26/12 | 26/12 | | PC961 | Chi mua VPP | | 4.015.000 | 821.024.321 |
| | | | | ... | | | |
| 28/12 | 28/12 | PT945 | | Thu tiền bán hàng | 14.454.000 | | 769.324.367 |
| | | | | ... | | | |
| | | | | Cộng số phát sinh | <u>21.258.364.248</u> | <u>21.452.148.674</u> | |
| | | | | Số dư cuối năm | | | <u>638.556.861</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của công ty trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều gửi tại Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đại Lợi mở tài khoản tại 4 ngân hàng đó là: Ngân hàng TMCP Ngoại Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Maritimebank, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và đến tháng 10/2018 công ty có mở thêm tài khoản tiền VNĐ tại Ngân hàng VP Bank.

Công ty Cổ phần Đại Lợi có tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam Đồng tại các ngân hàng, không có tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng gồm thanh toán bằng giấy báo nợ, giấy báo có nhận được từ ngân hàng, ủy nhiệm chi (UNC), ủy nhiệm thu (UNT), lệnh chuyển tiền.

Đối với UNC, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa các công ty và các bên có liên quan, kế toán trưởng lập UNC trả tiền cho nhà cung cấp. UNC được lập thành 3 liên, 1 liên lưu lại quyền của công ty, một liên được gửi đến ngân hàng nơi công ty mở tài khoản tại, liên còn lại luân chuyển trong công ty làm cơ sở ghi sổ.

Đối với giấy báo có, khi khách hàng thanh toán tiền hàng cho công ty qua tài khoản ngân hàng, hoặc do công ty nộp tiền vào tài khoản... thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty nhận được tại tài khoản ngân hàng và ghi tăng số tiền trong tài khoản của công ty.

Đối với giấy báo nợ, khi công ty thanh toán tiền hàng cho đơn vị khác qua tài khoản ngân hàng hoặc do công ty rút tiền từ tài khoản... thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty bị trừ đi tại tài khoản ngân hàng và ghi giảm số tiền trong tài khoản của công ty.

Cuối kỳ, ngân hàng gửi sổ phụ đến công ty để thông báo về số dư TK. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của công ty với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì công ty phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

*** Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty.**

- Ủy nhiệm thu.
- Ủy nhiệm chi.
- Giấy báo nợ.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác liên quan.

*** Tài khoản kế toán sử dụng công ty.**

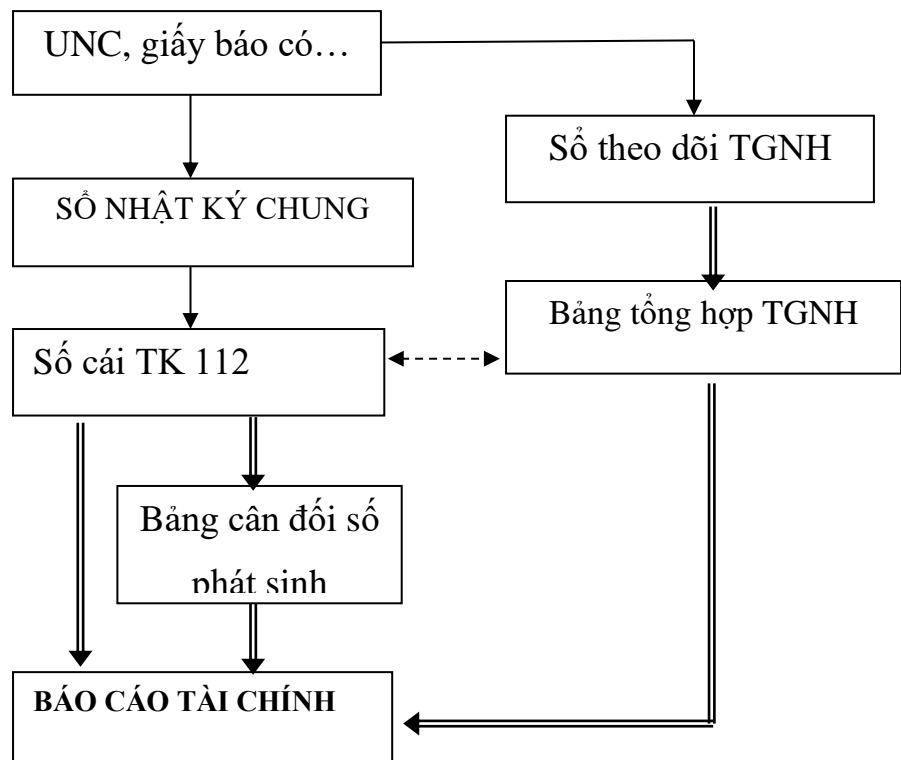
- Công ty sử dụng TK 112 phản ánh tình hình tiền gửi ngân hàng

*** Sổ sách kế toán sử dụng công ty.**

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ cái TK 112...
- Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, Bảng tổng hợp theo dõi tiền gửi ngân hàng.

*** Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty.**

*** Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kì →
- Đối chiếu, kiểm tra ←→

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Đại Lợi

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 112 và các tài khoản khác có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

*** Ví dụ tiền gửi ngân hàng tại công ty.**

Trong tháng 12/2018, Công ty Cổ phần Đại Lợi phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền gửi ngân hàng. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:


Ví dụ 1: Ngày 20/12/2018, Công ty thanh toán tiền cho Công ty TNHH Xuân Trường số tiền 141.000.000 đồng bằng chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán công ty gửi Ủy nhiệm chi đến Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy báo Nợ. Căn cứ vào các chứng từ : hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

Từ Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Đồng thời kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112, TK 331. Cuối kỳ từ Sổ Cái các tài khoản kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12: Ủy nhiệm chi

| | | | | |
|---|--|---|--|--|
|  | | ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER | | Liên 2: Báo nợ khách hàng Số: 997 Ngày: 20/12/2018 |
| Số tiền(Amount): 141.000.000 Bằng chữ(in words): Một trăm bốn một triệu đồng chẵn . Nội dung(remark):Thanh toán nợ. | | Phí NH: <input type="checkbox"/> Chúng tôi chịu (Charges) <input type="checkbox"/> Người hưởng chịu | | |
| Người yêu cầu(applicant):CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI Địa chỉ(address):203 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng Số TK(A/C No): 0531 0088 2310 8..... Tại NH(w.Bank): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | | Người hưởng(beneficiary): Công ty TNHH Xuân Trường Địa chỉ(address): 22 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng Số TK(A/CNo):0200110074812 Tại NH(w. Bank): AgriBank Kiến An – Hải Phòng Địa chỉ(address): Kiến An – Hải Phòng | | |
| Phần dành cho Ngân hàng(For Bank use only): 1. MST KHÁCH HÀNG:(Customer's Tax code) 2. TỔNG SỐ GHI NỢ:(Debit Amount) 3. PHÍ NGÂN HÀNG: 4. THUẾ GTGT: 5. SỐ TIỀN CHUYỂN: Giao dịch viên Kiểm soát | | Ký hiệu chứng từ Giám đốc | NGƯỜI YÊU CẦU KÝ, GHI HỌ TÊN ĐÓNG ĐẤU Kế toán trưởng Chủ tài khoản | |
| | | Dành cho Ngân hàng người hưởng/Ngân hàng trung gian | | |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.13: Giấy báo nợ

| | |
|--|--------------------------|
|  | Số: 997 |
| | Mã GDV: PHUCDTQTO |
| GIẤY BÁO NỢ | Mã KH: 594256 |
| 20/12/2018 | |
| Kính gửi: Công ty Cổ phần Đại Lợi | |
| Mã số thuế: 0200389584 | |
| Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: | |
| Số tài khoản ghi Nợ: 0531 0088 2310 8 | |
| Số tiền bằng số: 141.000.000 | |
| Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu đồng./ | |
| Nội dung: ## Trả nợ Công ty TNHH Xuân Trường ## | |
| Giao dịch viên | Kiểm soát |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Ví dụ 2: Ngày 27/12/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Hồng Phát trả tiền cho doanh nghiệp, số tiền : 330.000.000đồng.

Kế toán nhận được giấy báo có của ngân hàng tiến hành ghi vào sổ sách kế toán toán theo định khoản sau:


Nợ TK 112 : 330.000.000

Có TK 131 : 330.000.000

Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái tài khoản 112, TK 131. Kế toán tiền gửi ngân hàng sẽ vào sổ tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ theo dõi tiền gửi, lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng.

Biểu 2.14: Giấy báo có

| | |
|--|----------------------|
|  | Số: 1007 |
| GIẤY BÁO CÓ | Mã GDV: |
| | PHUCDTQTO |
| 27/12/2018 | Mã KH: 594256 |
| Kính gửi: Công ty Cổ phần Đại Lợi | |
| Mã số thuế: 0200389584 | |
| Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau: | |
| Số tài khoản ghi CÓ: 0531 0088 2310 8 | |
| Số tiền bằng số: 330.000.000 | |
| Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm ba mươi triệu đồng./</i> | |
| Nội dung: ## tiền hàng Công ty cổ phần Đầu tư Hồng Phát ## | |
| Giao dịch viên | Kiểm soát |

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.15: SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT



**SAO KÊ TÀI KHOẢN CHI TIẾT
STATEMENT OF ACCOUNT**

Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 31/12/2018

Số tài khoản/Account number: 0531 0088 2310 8

Loại tiền tệ/Currency: VND

Tên TK/Account name: Công ty Cổ phần Đại Lợi

Số dư đầu kỳ: 213,462,644

Số dư cuối kỳ: 203.440.321

| Ngày phát sinh | Số GD | Nội dung giao dịch | Doanh số phát sinh | |
|-----------------------|-------|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Nợ/Debit | Có/Credit |
| 03/12/2018 | 892 | CTY CPDTTM THAI AN THANH TOAN TIEN | | 60,000,000 |
| | | ... | | |
| 10/12/2018 | 991 | RUT NHAP QUY | | 250,000,000 |
| | | ... | | |
| 20/12/2018 | 997 | TRA NO CHO CONG TY XUAN TRUONG | 141,000,000 | |
| | | ... | | |
| 26/12/2018 | 1004 | ACCRUED INTEREST | | 25,347 |
| | | ... | | |
| 27/12/2018 | 1007 | CÔNG TY HỒNG PHÁT TRẢ TIỀN | 330,000,000 | |
| | | ... | | |
| CỘNG PHÁT SINH | | | 2,460,083,307 | 2,450,060,984 |

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Sổ Nhật kí chung.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

((Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK | Số phát sinh | |
|----------|---------------|-------|--|----------|------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | ... | | | |
| 06/12 | PC 913 | 06/12 | Chi tiền tiếp khách ăn uống theo HĐ 0001008 | 642 | 6.200.000 | |
| | | | | 133 | 620.000 | |
| | | | | 111 | | 6.820.000 |
| 08/12 | PT 908 | 08/12 | Thu tiền bán hàng cho công ty TNHH Trang Nhung | 111 | 16.731.000 | |
| | | | | 511 | | 15.210.000 |
| | | | | 333 | | 1.521.000 |
| | | | ... | | | |
| 10/12 | BN991/ VC | 10/12 | Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ | 111 | 250.000.000 | |
| | | | | 112 | | 250.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 11/12 | PC937 | 11/12 | Tạm ứng đi công tác | 141 | 15.000.000 | |
| | | | | 111 | | 15.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 20/12 | BN997/ VC | 20/12 | Trả nợ cho người bán | 331 | 141.000.000 | |
| | | | | 112 | | 141.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 25/12 | PC 959 | 25/12 | Thanh toán chi phí tiếp khách | 642 | 5.450.000 | |
| | | | | 133 | 545.000 | |
| | | | | 111 | | 5.995.000 |
| | | | ... | | | |
| 27/12 | BC1007 /VC | 27/12 | Công ty Hồng Phát trả tiền | 112 | 330.000.000 | |
| | | | | 131 | | 330.000.000 |
| | | | ... | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 883.260.114.327 | 883.260.114.327 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 112.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: 203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

năm 2018

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|---------------|-------|---|----------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu năm | | | |
| | | | Số phát sinh | | 1.390.839.695 | |
| | | | ... | | | |
| 15/12 | BC 816/Mr | 15/12 | Công ty TNHH Kiến Ninh trả tiền theo HĐ/69-2018 | 131 | 797.698.700 | |
| 15/12 | BN 995/VC | 15/12 | TT tiên mua Vàng cho Hải Sơn theo HĐ 0001910 | 331 | | 100.000.000 |
| 16/12 | BN 996/VC | 16/12 | TT tiên mua hàng theo HĐ 1462 cho Công ty Đại Lợi | 156 | | 387.272.727 |
| | | | | 133 | | 38.727.273 |
| | | | ” | | | |
| 20/12 | BN997/ VC | 10/12 | Thanh toán tiên mua hàng cho CTY Xuân Trường | 331 | | 141.000.000 |
| | | | ... | | | |
| 23/12 | BC 1001/VC | 23/12 | C ty TNHH Ngô Quyền trả tiền, HĐ 0000238 | 511 | 421.030.210 | |
| | | | | 333 | 42.103.021 | |
| | | | ... | | | |
| 27/12 | BC1007/ VC | 27/12 | Công ty Hồng Phát trả tiền | 131 | 330.000.000 | |
| | | | ... | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 33.345.722.194 | 33.984.952.666 |
| | | | Số dư cuối năm | | 751.609.223 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18 Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

Mẫu số: S06- DN

203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 0531 0088 2310 8 - VNĐ

Năm 2018

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền | | |
|------------|---------------|--|------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Thu | Chi | Còn lại |
| | | Số dư đầu kì: | | | | <u>213.432.345</u> |
| | | Số phát sinh | | | | |
| | | ... | | | | |
| BN 996 | 16/12/18 | Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Đại Lợi | 156 | | 387.272.727 | |
| | | VAT 10% | 133 | | 38.727.273 | 506.723.606 |
| | | ... | | | | |
| BC 1001 | 22/12/18 | C ty TNHH Ngô Quyền trả tiền, HĐ 0000238 | 511 | 421.030.210 | | |
| | | Thuế GTGT đầu ra | 333 | 42.103.021 | | 682.216.678 |
| | | ... | | | | |
| BN 997 | 20/12/18 | Thanh toán tiền mua hàng cho CTY Xuân Trường | 331 | | 141.000.000 | 216.671.505 |
| | | ... | | | | |
| BC 1004 | 26/12/18 | Lãi TGNH | 515 | 25.347 | | 680.083.117 |
| | | ... | | | | |
| BC 1007 | 27/12 | Công ty Hồng Phát trả tiền | 131 | 330.000.000 | | 314.223.712 |
| | | ... | | | | |
| | | Cộng phát sinh tháng | | <u>16.231.542.154</u> | <u>16.241.534.178</u> | |
| | | Số dư cuối kì: | | | | <u>203.440.321</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

Biểu 2.19: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: S07 - DN

((Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2018

| TT | Tên ngân hàng | Tồn đầu kỳ | Gửi vào | Rút ra | Tồn cuối kỳ |
|----|-------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| 1 | MaritimeBank-VND | 410.746.995 | 7.325.421.241 | 7.541.274.631 | 194.893.605 |
| 2 | VIDBank - VND | 741.234.613 | 8.864.234.674 | 9.347.898.145 | 257.571.142 |
| 3 | Vietcombank - VND | 213.432.345 | 16.231.542.154 | 16.241.534.178 | 203.440.321 |
| 4 | VP Bank - VND | 25.425.742 | 924.524.125 | 854.245.712 | 95.704.155 |
| | Cộng | 1.390.839.695 | 33.345.722.194 | 33.984.952.666 | 751.609.223 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI
203 Dân Lập, phường Dư Hàng Kênh, Lê Chân, HP

Mẫu số: S06 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Năm 2018

| Số hiệu TK | TÊN TÀI KHOẢN | SỐ DƯ ĐẦU NĂM | | SỐ PHÁT SINH | | SỐ DƯ CUỐI NĂM | |
|------------------|--------------------|---------------|-------|----------------|----------------|----------------|-------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 111 | Tiền mặt tồn quỹ | 832.341.287 | | 21.258.364.248 | 21.452.148.674 | 638.556.861 | |
| 112 | Tiền gửi ngân hàng | 1.390.839.695 | | 33.345.722.194 | 33.984.952.666 | 751.609.223 | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỢI

**3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn
bằng tiền nói riêng tại Công ty Cổ phần Đại Lợi**

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty có những ưu và nhược điểm như sau:

3.1.1. Ưu điểm

❖ *Về bộ phận kế toán*

Các phân hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phân hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót, giúp Ban giám đốc đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xác định được kết quả kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

❖ *Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, không những giúp cho kế toán viên thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm thời gian, công sức và tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Cùng với sự hỗ trợ của Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức.

❖ *Về chứng từ kế toán sử dụng*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến

hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu được phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Chúng tôi được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra.

❖ *Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

❖ *Về hạch toán kế toán*

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian rất hợp lý thuận tiện cho việc theo dõi.

- Về hạch toán tiền mặt: việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hằng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán có thể đối chiếu các số liệu này với sổ quỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị những biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

- Về hạch toán tiền gửi ngân hàng: việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi một cách tốt hơn.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty cũng có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả công việc. Vì vậy cần phải phân tích những mặt hạn chế để có thể đưa ra những giải pháp khắc phục, giúp cho công việc đạt hiệu quả cao hơn.

❖ *Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ*

Lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch là rất lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhầm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

❖ *Về công tác thanh toán*

Công ty không sử dụng một cách triệt để việc thanh toán qua ngân hàng. Những khoản tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản, tuy nhiên có nhiều khoản tiền dưới 20 triệu công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt mặc dù có thể chuyển khoản, điều này cho thấy công ty đã không sử dụng hết lợi thế thanh toán bằng chuyển khoản làm ảnh hưởng đến an toàn tiền quỹ của công ty, có thể xảy ra mất mát. Mặt khác lượng tồn quỹ tại công ty quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ *Về việc hiện đại hóa công tác kế toán*

Hiện nay, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán. Việc chỉ áp dụng kế toán thủ công làm tăng thêm thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc nhiều rất dễ dẫn đến sai sót. Vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán không những giảm nhẹ được áp lực và khối lượng công việc mà còn đem lại hiệu quả công việc cao hơn.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường là điều kiện sống còn của các doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển

tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Để phù hợp với xu thế hội nhập, Nhà nước đã ban hành những chính sách, chuẩn mực và thông tư hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ của mỗi thành phần kinh tế là vận dụng sao cho đúng, cho đủ và hợp lý trong lĩnh vực của mình để đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế trong nước, hội nhập và mở rộng với nền kinh tế toàn cầu. Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại Công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn... phù hợp với đặc điểm đơn vị mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp. Vì vậy quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp cần đáp ứng:

+ Tổ chức kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau đảm bảo phù hợp. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ chuẩn mực của Nhà Nước ban hành.

+ Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là tình hình về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

+ Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền phải trong mối quan hệ thống nhất với các phân hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị cũng như các phân hành kế toán khác. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phân hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phân hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

3.2.3 Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý. Để đáp ứng yêu cầu quản lý về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp được tốt hơn, cần phải dựa vào những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Luôn tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt,

sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện kế toán là hướng tới làm tốt hơn vai trò cung cấp thông tin cho cấp quản trị trong doanh nghiệp và những người quan tâm được biết về tình hình tài chính của Công ty.

- Để đáp ứng được các yêu cầu trên thì kế toán vốn bằng tiền phải tiến hành hoàn thiện trên các mặt theo phương hướng sau:

- Trước hết, thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác phục vụ cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp và đạt hiệu quả cao.

- củng cố và tăng cường vai trò cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình tăng giảm vốn bằng tiền từ các sổ kế toán tổng hợp của Công ty.

- Phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, tạo điều kiện cung cấp chính xác trong hạch toán kế toán.

- Hoàn thiện song phải dựa trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi.

Việc nâng cao hiệu quả vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để từng bước hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác vốn bằng tiền nói riêng nhằm giúp việc kinh doanh đạt hiệu quả tốt hơn.

Qua thời gian thực tập tại công ty, căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán, căn cứ vào quy định của Nhà nước và Bộ tài chính kết hợp với những lý luận đã được học tại trường, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác vốn bằng tiền tại công ty như sau:

❖ ***Thứ nhất, hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt***

Việc thực hiện kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ giúp công ty xác định được lượng tiền tồn quỹ và số thừa, thiếu so với sổ quỹ. Trên cơ sở đó, tăng cường công tác quản lý quỹ và quy trách nhiệm vật chất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê quỹ.

Trước khi kiểm kê quỹ, Thủ quỹ phải ghi sổ quỹ, tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Cách xử lý các trường hợp khi kiểm kê gặp phải:

+ Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê:

- Khi chưa xác định rõ nguyên nhân, kế toán ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

- Khi xác định được nguyên nhân:

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có TK 711 – Thu nhập khác

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388)...

+ Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê:

- Chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt

- Khi xác định được nguyên nhân:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388)

Nợ TK 334 – Trừ vào lương...

Có TK 138 – Phải thu khác (1388)

Việc kiểm kê quỹ phải được tiến hành định kỳ cuối tháng, cuối quý, cuối năm, khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ và phải lập Bảng kiểm kê quỹ dùng cho VNĐ theo mẫu số 08-TT (Ban thành theo Thông

tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014). Biên bản kiểm kê quỹ gồm hai bản, một bản lưu ở quỹ, một bản lưu ở kế toán thanh toán.

Sau đây là mẫu Bảng kiểm kê quỹ (**Biểu 3.1**):

Biểu 3.1: Mẫu Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị:.....
 Bộ phận:.....

Mẫu số: 08 - TT
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào giờ ngày tháng năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện Thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải | Số lượng | Số tiền |
|-----|---------------------------|----------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ: | X | |
| II | Số kiểm kê thực tế | X | |
| 1 | Trong đó: | | |
| 2 | - Loại | | |
| 3 | - Loại | | |
| 4 | - Loại | | |
| 5 | - ... | | |
| III | Chênh lệch (III = I – II) | X | |

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

❖ ***Thứ hai, hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng:***

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, với những khoản tiền lớn doanh nghiệp đã thanh toán qua hệ thống Ngân hàng theo quy định còn những khoản tiền có giá trị dưới 20 triệu đồng công ty vẫn thanh toán bằng tiền mặt mặc dù công ty có thể thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Điều này chưa tốt, bởi việc thanh toán các khoản tiền dù lớn hay nhỏ qua Ngân hàng có các ưu điểm sau:

- Hiện nay hệ thống Ngân hàng phát triển trên toàn quốc, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà còn có các Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng rất nhanh chóng và thuận lợi. Hơn nữa các doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng.

- Thanh toán qua các Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra mất cắp, gian lận, sai sót trong quá trình hạch toán.

- Mặt khác lượng tiền gửi Ngân hàng còn đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

Bên cạnh đó, việc trả lương cho cán bộ công nhân viên theo hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hiện nay không còn phù hợp nữa. Do vậy Công ty nên tạo tài khoản riêng cho mỗi người lao động, hàng tháng tiến hành việc trả lương theo hình thức thanh toán thông qua thẻ ATM. Việc này sẽ làm giảm áp lực công việc cho Thủ quỹ, tránh những sai sót nhầm lẫn trong quá trình trả lương lại không tồn một khoản tiền quá lớn tại quỹ.

❖ ***Thứ ba, hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán***

Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại Công ty đã có sự hỗ trợ của tin học qua chương trình Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là giải pháp mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào kế toán là rất cần thiết.

Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của Công ty Cổ phần Đại Lợi như hiện nay thì em xin được giới thiệu một số phần mềm kế toán khá phổ biến, phù hợp với doanh nghiệp. Sau đây là một số phần mềm phổ biến hiện nay:

Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2019)

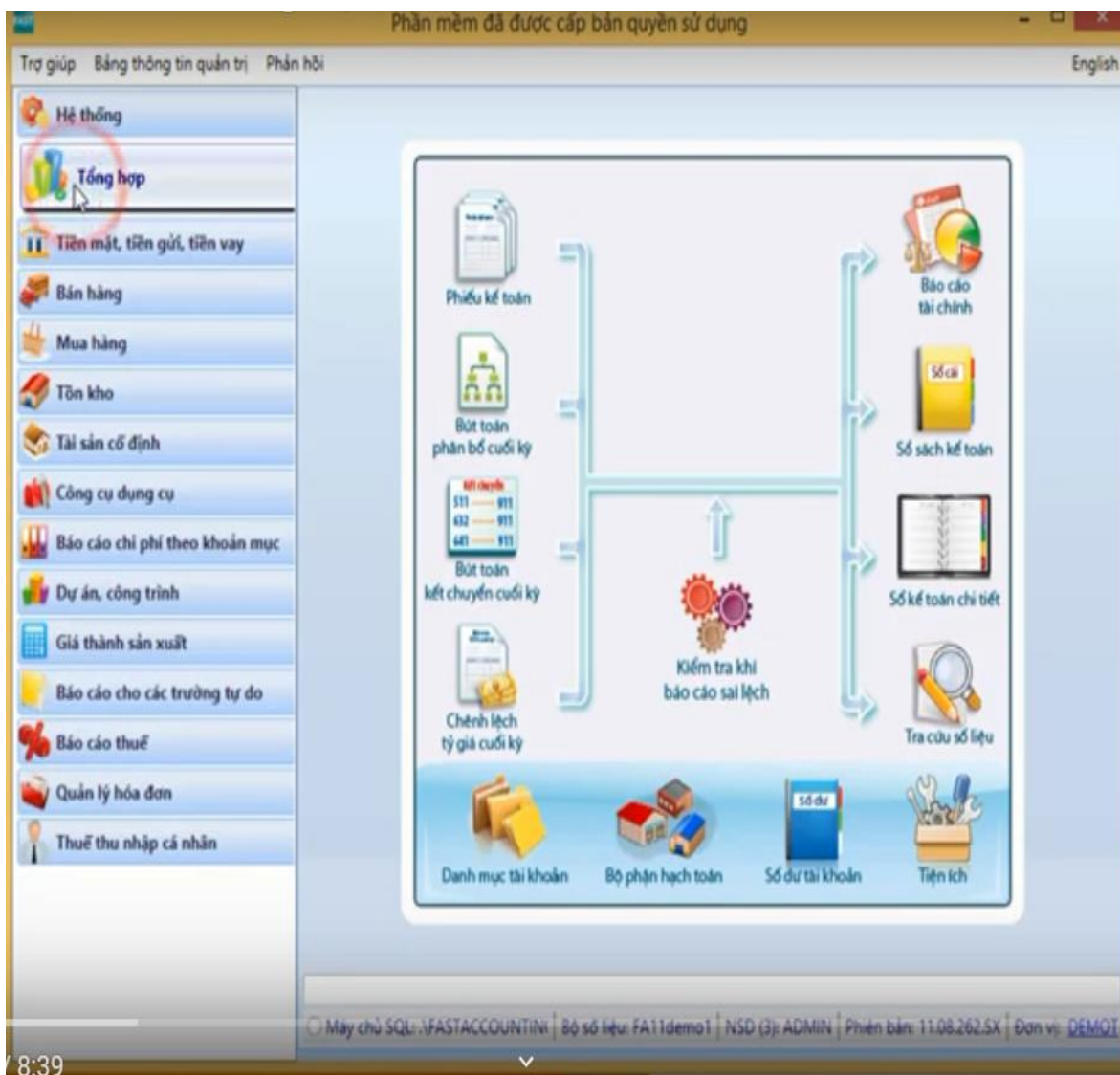
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019:



Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

Fast accounting (phiên bản 11) là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các doanh nghiệp.

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11)

KẾT LUẬN

Kế toán vốn bằng tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết, là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính của mỗi doanh nghiệp. Hơn thế nữa, hạch toán tốt công tác kế toán vốn bằng tiền còn giúp cho Ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình tăng, giảm các loại vốn bằng tiền để từ đó có những căn cứ quyết định đến sản xuất kinh doanh cho phù hợp với doanh nghiệp của mình. Vì vậy, việc hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền là một điều tất yếu đối với mỗi doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Đại Lợi, em đã được tìm hiểu thêm về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC).

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Về công tác kiểm kê quỹ
- + Về việc sử dụng tiền mặt
- + Về công tác ghi chép sổ sách kế toán

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Đại Lợi:

- + Hoàn thiện về công tác kiểm kê quỹ
- + Hoàn thiện về việc sử dụng tiền mặt
- + Hoàn thiện về công tác ghi chép sổ sách kế toán

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo **Ths. Nguyễn Đức Kiên** cùng với Ban giám đốc và các cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Đại Lợi đã

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hướng dẫn tận tình trong quá trình em thực tập và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận của mình. ./.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Sinh viên

Nguyễn Ngọc Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 200/2014/TT (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty Cổ phần Đại Lợi (2018), *Sổ sách kế toán Công ty*.